

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2022.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Võ Việt T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Rạch L, xã Phú T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Võ Thành T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2021 và tại phiên tòa, chị Dương Thị N trình bày: Vào năm 2018 chị và anh Võ Thành T kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20 tháng 12 năm 2018. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng

thường xuyên bắt đồng quan điểm và cự cãi. Từ đó, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay mà không đoàn tụ được. Vì cuộc sống hôn nhân giữa chị với anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, chị không còn tình cảm dành cho anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thành T. Về con chung, có một người tên là Võ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 02 tháng 10 năm 2019, con chung hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần Nng đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị N ly hôn với anh T. Giao một người con chung tên là Võ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 02 tháng 10 năm 2019 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động. Buộc chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc chị Dương Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Võ Thành T cư trú tại ấp H, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Võ Thành T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa Nng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Võ Thành T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị Dương Thị N và anh Võ Thành T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa chị Dương Thị N và anh Võ Thành T là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn với anh T vì chị N cho rằng quá trình giữa chị N và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do

anh T không quan tâm đến gia đình nên chị N và anh T thường xuyên bất đồng quan điểm và cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị N và anh T đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được, quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị N. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị Dương Thị N ly hôn với anh Võ Thành T là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị N yêu cầu được nuôi một người con chung tên là Võ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 02 tháng 10 năm 2019. Anh T cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu được nuôi con của chị N. Xét thấy, con chung hiện chưa đủ 36 tháng tuổi và chị N là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, do đó nhằm để ổn định về điều kiện môi trường sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên. Từ đó, giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T cấp dưỡng nuôi một người con chung tên là Võ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 02 tháng 10 năm 2019 với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Võ Duy K đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động là có căn cứ.

[4] Chị Dương Thị N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh Võ Thành T không có ý kiến về những vấn đề trên nên không đặt ra xem xét.

[5] Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con, chị Dương Thị N và anh Võ Thành T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị N ly hôn với anh Võ Thành T.

2. Về con chung, giao chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Võ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 02 tháng 10 năm 2019.

Anh Võ Thành T phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Võ Duy K đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Anh Võ Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng Nng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.000 đồng theo biên lai thu số 0012378, ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay đối trừ chị Dương Thị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 1.250.000 đồng.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Võ Thành T phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ